

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 -8- 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng, ông Nguyễn Văn Thê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1993; nơi cư trú: **Xóm F, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định**; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: **Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà **Hoàng Thị P**, sinh năm 1959, nơi cư trú: **Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Bùi Thị T** trình bày: Chị và anh **Trần Văn M** đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/11/2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Nam Định**.

Sau ngày cưới vợ chồng chị chung sống với bố mẹ chồng tại **tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính là do giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên trong sinh hoạt hàng ngày xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ, sống ly thân nhiều lần và lần gần đây là từ tháng 02 năm 2024 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh **Trần Văn M** không đến làm việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Toà án cũng không gửi ý kiến về các nội dung khởi kiện của chị **T**.

Bà **Hoàng Thị P** là mẹ đẻ của anh **Trần Văn M** trình bày: Anh **M** và chị **T** kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào khoảng cuối năm 2019. Sau khi bà nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý, giấy triệu tập thì bà đều gọi điện thông báo cho anh **M**. Mặc dù anh **M** và gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Toà án nhiều lần, đã biết về yêu cầu xin ly hôn của chị **T** nhưng anh **M** không đến Toà án làm việc được vì anh **M** không xin nghỉ được, chỉ được nghỉ ngày lễ. Anh **M** hiện đang làm bảo vệ cho công ty trong **khu công nghiệp Đ, thị xã D**. Sau khi kết hôn thì chị **T** và anh **M** sống chung với gia đình bà tại **tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, đến đầu năm 2024 thì giữa vợ chồng chị **T**, anh **M** xảy ra mâu thuẫn nên chị **T** bỏ nhà bà đi từ đầu năm 2024 đến nay. Anh **M**, chị **T** không quan tâm đến nhau. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, công sức, công nợ. Nay chị **T** xin ly hôn anh **M**, anh **M** cũng nhất trí việc chị **T** xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường **T, thị xã D** thể hiện: Anh **Trần Văn M** và chị **Bùi Thị T** sau khi cưới có sống chung với bố mẹ chồng tại **tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Hiện nay anh **Trần Văn M** vẫn đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. HIện nay anh **M** đang làm bảo vệ cho công ty trong **khu công nghiệp Đ, thị xã D**. Sau khi nhận được các thông báo thụ lý, giấy triệu tập của Toà án về việc chị **T** xin ly hôn anh **M**, địa phương tiến hành giao các văn bản tố tụng của Toà án cho anh **M** và thân nhân của anh **M**. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị **T** và anh **M** địa phương không

nắm rõ, được biết khoảng đầu năm 2024 thì chị **T** bỏ đi không ở cùng gia đình nhà anh **M** nữa. Anh **M**, chị **T** không có con chung trong thời kỳ hôn nhân địa phương không thực hiện việc đăng ký khai sinh nào cho con chung của anh **M**, chị **T**. Anh **M**, chị **T** không có tài sản chung, công nợ tại địa phương. Nay chị **T** xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị T**; Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị **Bùi Thị T** và anh **Trần Văn M**. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Bùi Thị T** phải nộp 300.000đ án phí LHST. Chị **T** đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí LHST tại Biên lai thu số 0001081 ngày 29/3/2024, chị **T** được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THA dân sự **thị xã D**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị **Bùi Thị T** khởi kiện xin ly hôn anh **Trần Văn M** có nơi cư trú tại **phường T, thị xã D** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị **Bùi Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Trần Văn M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Văn M** và chị **Bùi Thị T** tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2019 tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Nam Định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng đầu năm 2024 chị **T**, anh **M** phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mỗi người đã lựa chọn cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Anh **M** biết việc chị **T** xin ly hôn nhưng bỏ mặc, chứng tỏ anh không còn tình cảm, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị **T**, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị **T** được ly hôn anh **M**.

[5] Về quan hệ con chung: Chị **T**, anh **M** không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về quan hệ tài sản chung, công sức, công nợ: Chị **T** khai không có, Tòa án không ghi được ý kiến của anh **M** nhưng ghi được ý kiến của bà **Hoàng Thị P** (mẹ đẻ anh **M**) xác nhận không có nên không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Bùi Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị **Bùi Thị T** và anh **Trần Văn M**.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Bùi Thị T** phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001081 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi